

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2016
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA (NSI)

HỘI SỞ:

Địa chỉ : 34B - Hàn Thuyên
Hải Bả Trưng, Hà Nội
Điện thoại : (84-4) 3944 5474
Fax : (84-4) 3944 5475
Email : report@nsi.vn
Website : <http://www.nsi.com.vn>

CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ : 168 - Nguyễn Công Trứ
Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-8) 3821 7304
Fax : (84-8) 3821 7305

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2016
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA (NSI)

HỘI SỞ:
Địa chỉ : 34B - Hàn Thuyên
Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : (84-4) 3944 5474
Fax : (84-4) 3944 5475
Email : report@nsi.vn
Website : <http://www.nsi.com.vn>

CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH
Địa chỉ : 168 - Nguyễn Công Trứ
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-8) 3821 7304
Fax : (84-8) 3821 7305



I. THÔNG TIN CHUNG.

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA (NSI)
- Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số: 27/UBCK-GPHĐKD ngày 15/12/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp.
- Vốn điều lệ: 170.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 170.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: 34B - Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Số điện thoại: (84-4) 3944 5474
- Số fax: (84-4) 3944 5475
- Website: <http://www.nsi.vn>

2. Quá trình hình thành và phát triển:

2.1 Giấy phép kinh doanh:

- Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số: 27/UBCK-GPHĐKD ngày 15/12/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.
- Giấy phép điều chỉnh nghiệp vụ kinh doanh số 196/UBCK-GP ngày 05/3/2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Giấy phép điều chỉnh thay đổi người đại diện theo pháp luật số 89/GPĐC-UBCK ngày 31/5/2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Giấy phép thay đổi địa điểm trụ sở chính số 97/GPĐC-UBCK ngày 04/7/2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Giấy phép điều chỉnh tăng vốn điều lệ Công ty số: 29/GPĐC-UBCK ngày 17/6/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.
- Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC-UBCK ngày 17/06/2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty
- Giấy phép điều chỉnh số: 23/GPĐC-UBCK ngày 18/9/2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước về thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty

2.2 Các mốc lịch sử quan trọng.

Mốc thời gian	Sự kiện
11/12/2006	Công ty được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với vốn điều lệ là 50.000.000.000 đồng
15/12/2006	Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận hoạt động kinh doanh chứng khoán số 27/UBCK-GPHĐKD với ngành nghề kinh doanh Môi giới chứng khoán, Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, Lưu ký chứng khoán
25/12/2006	Công ty được cấp Giấy chứng nhận thành viên lưu ký số 32/GCNTVLK do Trung tâm Lưu ký chứng khoán cấp
29/12/2006	Công ty trở thành thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
12/01/2007	Công ty trở thành thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
27/7/2007	Quyết định số 441/QĐ/UBCK về việc lập Chi nhánh tại TP.Hồ Chí Minh
23/8/2007	Quyết định số 480/QĐ-UBCK về việc chấp thuận lập Phòng Giao dịch số 18 - Đoàn Trần Nghiệp, phường Bưởi Thị Xuân, Q.Hai Bà Trưng

	Trung, Hà Nội.
19/7/2011	Công ty được chấp thuận đăng ký cung cấp dịch chứng khoán trực tuyến
09/01/2012	Quyết định bổ nhiệm bà Bùi Thị Việt Hà làm Tổng Giám đốc Công ty
24/4/2012	Quyết định số 392/QĐ-UBCK về việc chấp thuận giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần từ 10% Vốn điều lệ của Công ty
31/5/2012	Quyết định số 89/GPĐC-UBCK về việc thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công ty
04/7/2012	Giấy phép điều chỉnh số 97/GPDC-UBCK về việc thay đổi địa điểm trụ sở chính Công ty về số 34B - Hàn Thuyên, phường Phạm Đình Hồ, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội
18/7/2012	Đóng cửa Phòng Giao dịch số 18 - Đoàn Trần Nghiệp, phường Bùi Thị Xuân, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội.
31/10/2012	Quyết định số 903/QĐ-UBCK về việc thay đổi người đứng đầu Chi nhánh tại TP.Hồ Chí Minh
13/11/2012	Quyết định số 936/QĐ-UBCK về việc thay đổi địa điểm Chi nhánh Công ty tại TP.Hồ Chí Minh về địa chỉ số 168 - Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP.Hồ Chí Minh.
17/6/2013	Quyết định số: 29/GPĐC-UBCK ngày 17/6/2013 về việc điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty (tăng vốn điều lệ Công ty lên 170.000.000.000 đồng).
15/5/2014,	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty: Bà Bùi Thị Việt Hà giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty thay cho ông Nguyễn Quang Vinh (Căn cứ Nghị quyết số: 11/2014/HĐQT-NQ ngày 15/5/2014)
17/6/2014	Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC-UBCK ngày 17/06/2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty
05/9/2014	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty (ông Nguyễn Hải Dương giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty (theo Nghị quyết số: 45/2014/HĐQT-NQ của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 05/9/2014)
18/9/2014	Giấy phép điều chỉnh số: 23/GPĐC-UBCK ngày 18/9/2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước về thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty
19/11/2014	Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty đối với bà Bùi Thị Việt Hà.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.

3.1 *Nghiệp vụ kinh doanh:*

- Môi giới Chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán

3.2 Địa bàn kinh doanh:

Hiện nay Công ty có trụ sở tại Hà Nội và có Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

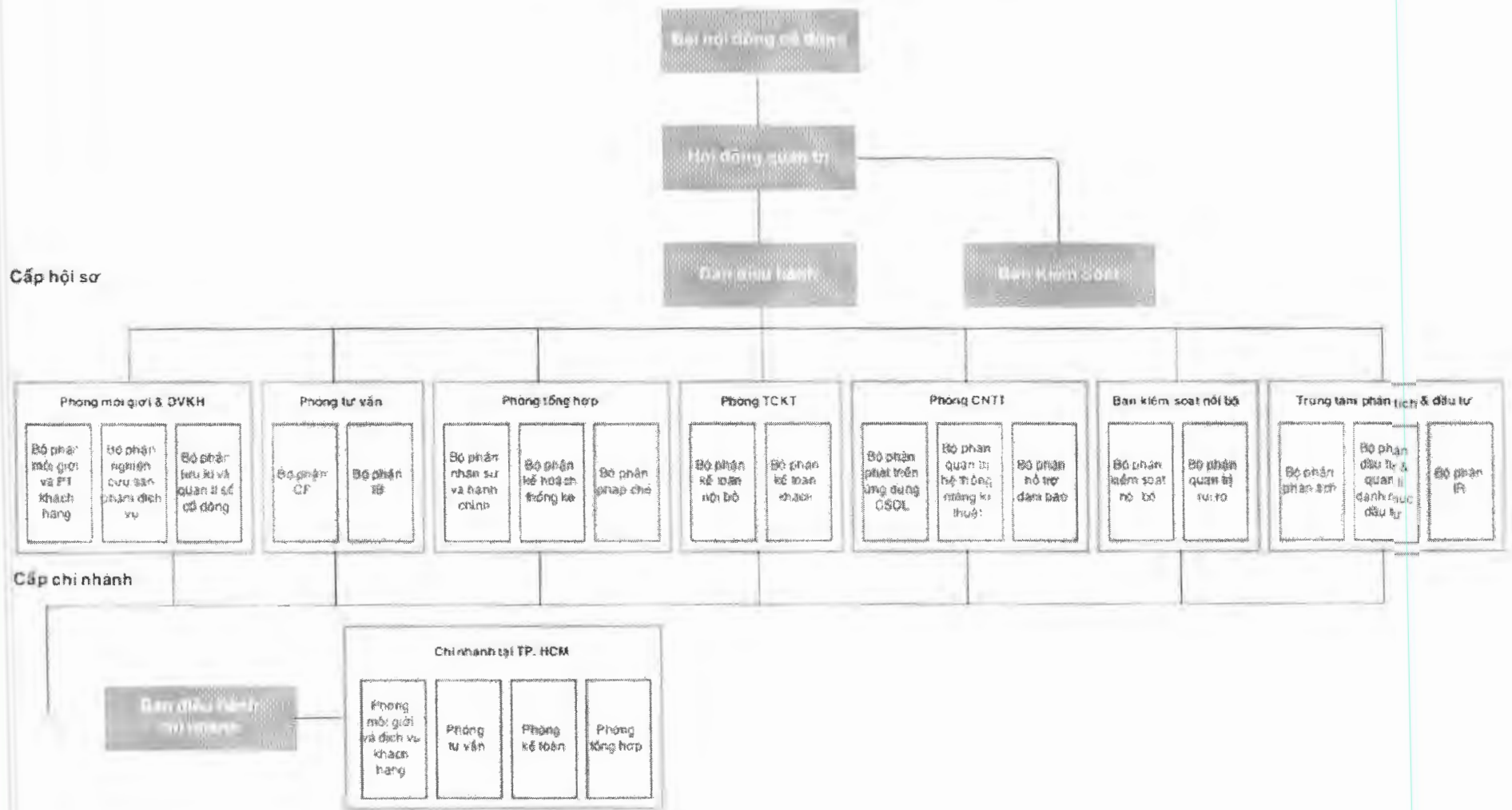
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

4.1 Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý.

- Mô hình tổ chức của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia bao gồm: 1) Đại hội đồng cổ đông, 2) Hội đồng Quản trị, 3) Ban Kiểm soát, 4) Ban Tổng Giám đốc và 5) Các Phòng/ban chức năng, các Chi nhánh trực thuộc Công ty.
- Cơ cấu bộ máy tổ chức của Công ty được thực hiện theo nguyên tắc phân cấp, quản lý theo chức năng công việc và có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc quản lý và điều hành công việc thông qua việc phân cấp, phân quyền; các Trưởng phòng/ban trực tiếp giải quyết công việc của Phòng/ban đó.
- Mô hình quản trị và cơ cấu quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản lý, điều hành của Ban Tổng Giám đốc và đảm bảo hiệu quả công tác quản trị của Hội đồng quản trị đối với bộ máy điều hành.

4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý

CƠ CẤU TỔ CHỨC - CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA
Đến cuối năm 2016



4.3 Các công ty con, công ty liên kết:

Tính đến 31/12/2016, Công ty chưa thực hiện việc liên kết hay thành lập công ty con nào khác.

5. Định hướng phát triển:

Để đạt được kế hoạch kinh doanh năm 2016, Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia phát triển theo định hướng nâng cao năng lực tài chính, gia tăng đầy đủ các dịch vụ của công ty chứng khoán. Bên cạnh đó tiếp tục phát huy sức mạnh về con người và đặc biệt là đổi mới công nghệ thông tin, hướng tới mục tiêu đưa Công ty trở thành sự lựa chọn đáng tin cậy của các doanh nghiệp và nhà đầu tư trong, ngoài nước.

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Công ty sẽ kết hợp việc đầu tư ngắn hạn để tìm kiếm lợi nhuận với việc thực hiện cơ cấu danh mục đầu tư, xây dựng danh mục đầu tư có mức sinh lợi kỳ vọng tốt, bền vững, thanh khoản cao và giảm thiểu rủi ro biến động quá lớn theo thị trường niêm yết, thực hiện các kênh đầu tư khác mà pháp luật và Điều lệ Công ty cho phép;
- Triển khai đồng bộ và mạnh mẽ các giải pháp để tạo sự đột phá của hoạt động môi giới trên cơ sở phát triển chất lượng nguồn nhân lực, tiếp tục tận dụng những ứng dụng công nghệ để hoàn thiện gia tăng các tiện ích, phát triển các sản phẩm mới và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng cũ và thu hút thêm khách hàng mới;
- Phát triển mạnh mẽ hoạt động tư vấn;
- Gia tăng giá trị của Công ty, tối đa hóa và đem lại các lợi ích thiết thực nhất cho các cổ đông;
- Nâng cao năng lực, đặc biệt là năng lực tài chính, đảm bảo khả năng triển khai các nghiệp vụ kinh doanh với quy mô và độ phức tạp cao;
- Kiểm soát chặt chẽ rủi ro, ngăn chặn kịp thời các khoản nợ xấu, nợ khó đòi;
- Xây dựng mô hình tổ chức phù hợp, năng động, gắn liền với hiệu quả kinh doanh;
- Tiếp tục chú trọng phát triển các ứng dụng công nghệ thông tin cho các hoạt động để nâng cao năng suất lao động và giảm thiểu các rủi ro.

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Công ty phấn đấu từng bước nâng cao thị phần môi giới trên thị trường chứng khoán, cung cấp cho khách hàng những sản phẩm, dịch vụ có chất lượng tốt nhất, mang lại lợi ích cho tất cả các bên liên quan với tiêu chí lấy khách hàng làm trọng tâm. Bên cạnh đó NSI xác định tôn chỉ hoạt động với lợi ích của khách hàng là cao nhất, mục tiêu đề cao là kiểm soát rủi ro, giảm thiểu rủi ro đến mức thấp nhất.
- Phát triển thành Công ty Chứng khoán cung cấp đa dịch vụ ở Việt Nam.
- Liên kết và khai thác tốt khả năng bán chéo sản phẩm và cung cấp dịch vụ với các đối tác thân thiết của Công ty nhằm phát huy lợi thế về vốn, hệ thống dữ liệu khách hàng.

5.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

NSI hoạt động trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật nói chung và quy định của thị trường chứng khoán, tài chính nói riêng. Trong tương lai NSI phấn đấu đạt lợi nhuận cao và sẽ trích một phần lợi nhuận đóng góp vào các hoạt động của cộng đồng, xã hội.

6. Các rủi ro:

6.1 Rủi ro hoạt động.

a) Mô tả rủi ro hoạt động của công ty

Rủi ro hoạt động là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp hoặc do thiếu vốn kinh doanh, đó các nguyên nhân khách quan khác.

b) Mô tả biện pháp quản trị rủi ro hoạt động của công ty

- Để kiểm soát hoạt động, yêu cầu tất cả các Cán bộ công nhân viên của Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia tuân thủ đúng các quy trình nghiệp vụ hiện hành; Trưởng các khối nghiệp vụ thực hiện kiểm soát tại khối mình phụ trách để hạn chế rủi ro.
- Toàn thể nhân viên Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia thường xuyên cập nhật thông tin, học hỏi và nâng cao kỹ năng nghiệp vụ để đảm bảo hạn chế các rủi ro hoạt động của Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia.
- Rủi ro hoạt động được Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia được đánh giá trên hệ thống kiểm soát nội bộ và đo lường trên hai phương diện: khả năng xảy ra, mức độ ảnh hưởng của rủi ro
- Ban Kiểm soát nội bộ kiểm tra các hoạt động hàng ngày và định kỳ kiểm tra giao dịch/ hoạt động của các bộ phận nghiệp vụ để kiểm tra tính tuân thủ đối với các quy trình, quy chế, đồng thời kiểm tra tính hiệu quả của quy trình/ quy chế hiện hành để cập nhật quy trình/ quy chế nhằm giảm thiểu rủi ro hoạt động cho công ty.

6.2 Rủi ro về pháp luật.

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia phải tuân thủ các quy định pháp luật của Việt Nam như: Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các Luật thuế và các văn bản pháp luật liên quan đến thị trường chứng khoán... Tuy nhiên, hiện nay hệ thống pháp luật của nước ta vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sửa đổi, chưa đồng bộ và chưa hòa nhập với hệ thống luật cũng như thông lệ quốc tế.

Với hệ thống luật, chính sách đang được xây dựng và thực thi theo hướng đồng bộ, nhất quán sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói chung. Tuy nhiên, nếu Công ty không nắm bắt kịp thời sự thay đổi của các chính sách, của hệ thống pháp luật thì có thể sẽ gây nhiều ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Công ty. Để kiểm soát rủi ro về mặt pháp luật, Công ty luôn phải cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp để định hướng hoạt động kinh doanh cho phù hợp.

6.3 Rủi ro đặc thù.

Rủi ro về cạnh tranh: Sự ra đời và bùng nổ của thị trường chứng khoán vào năm 2006 đã dẫn đến tình trạng hiện nay của thị trường chứng khoán là có quá nhiều công ty chứng khoán trong khi đó lượng khách hàng giao dịch thì ít. Công ty đã phải nỗ lực nâng cao chất lượng dịch vụ, đưa ra các chính sách môi giới để giữ khách hàng và tìm kiếm khách hàng mới.

6.4 Rủi ro thị trường

a) Mô tả rủi ro thị trường của công ty

Rủi ro thị trường là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản đang sở hữu theo chiều hướng bất lợi. Biểu hiện của nó chính là sự biến động về tỷ giá hối đoái, lãi suất, giá cả trên thị trường, chỉ số giá cổ phiếu, sự ảnh hưởng của nền kinh tế...

b) Các công cụ tài chính nào chịu rủi ro thị trường: Không

c) Mô tả phương pháp đo lường và hạn mức rủi ro thị trường của công ty

Liên tục theo dõi diễn biến của thị trường về nền kinh tế, tỷ giá....

d) Mô tả biện pháp quản trị rủi ro thị trường của công ty

Rủi ro thị trường được quản lý thông qua việc xác lập và kiểm soát các hạn mức rủi ro.

Tổng hạn mức của các loại rủi ro tín dụng, thị trường và hoạt động tạo thành mức chấp nhận rủi ro của Công ty, theo đó, hạn mức VAR cho rủi ro thị trường có thể được xác định theo phương pháp từ dưới lên hoặc từ trên xuống.

- Phương pháp từ dưới lên: Trên cơ sở số liệu VAR thống kê trong quá khứ, kế hoạch kinh doanh trong kỳ, diễn biến thị trường trong quá khứ và dự đoán trong tương lai, bộ phận quản trị rủi ro thị trường đề xuất hạn mức VAR cho từng loại hình rủi ro. Cộng tổng các hạn mức VAR này sẽ ra hạn mức VAR cho rủi ro thị trường. Bằng phương pháp tương tự, sẽ xác lập được hạn mức rủi ro tín dụng và hoạt động. Sau khi đã có hạn mức của 3 loại rủi ro này, cộng tổng lại sẽ ra mức chấp nhận rủi ro của Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia.
- Phương pháp từ trên xuống: Hội đồng quản trị sẽ quyết định mức chấp nhận rủi ro của Công ty. Trên cơ sở mức chấp nhận rủi ro đã được phê duyệt, sẽ tiến hành phân bổ hạn mức cho 3 loại: rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và rủi ro tác nghiệp. Sau khi có hạn mức cho rủi ro thị trường, bộ phận quản trị rủi ro thị trường sẽ thực hiện phân bổ cho từng loại rủi ro thị trường của từng số căn cứ trên số liệu thống kê, kế hoạch kinh doanh và phân tích diễn biến thị trường.

6.5 Rủi ro thanh toán

a) Mô tả rủi ro thanh toán của Công ty

Rủi ro thanh toán là rủi ro xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Rủi ro thanh toán nảy sinh khi Công ty thực hiện các giao dịch đầu tư tự doanh và Repo (Trên thực tế NSI chưa có nghiệp vụ này). Trong thanh toán, cũng nảy sinh rủi ro tín dụng, nó phụ thuộc vào uy tín tín dụng (credit rating) của đối tác mà Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia có giao dịch.

b) Mô tả phương pháp đo lường và hạn mức rủi ro và quản trị rủi ro thanh toán của công ty

Rủi ro thanh toán được đo lường trên các phương tiện: khả năng trả nợ của đối tác, tỷ lệ thu hồi nợ/ tổng công nợ; mức độ rủi ro và phân tích từng tình huống cụ thể.

Ban Kiểm soát nội bộ và phòng Kế toán xây dựng hạn mức tín dụng, hạn mức mở trong thanh toán đối với từng đối tác có giao dịch với Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia để trình Ban Tổng Giám đốc phê duyệt. Việc xây dựng hạn mức sẽ chi tiết đến từng đối tượng khách hàng qua đó ban Tổng Giám Đốc sẽ phân loại khách hàng phù hợp với từng thời kỳ để xác định uy tín tín dụng cho từng nhóm khách hàng trong mỗi giai đoạn.

Đo lường rủi ro thanh khoản chuẩn xác sẽ giúp cho Công ty CP Chứng khoán Quốc gia chủ động trước những cảnh báo có thể xảy ra.

6.6 Rủi ro thanh khoản

a) Mô tả rủi ro thanh khoản của Công ty

Rủi ro thanh khoản là rủi ro xảy ra khi Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi công cụ tài chính thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn. Phòng tài chính Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia có trách nhiệm quản lý dòng tiền theo thời gian đến hạn để đảm bảo khả năng thanh toán cho Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia.

b) Mô tả phương pháp đo lường và hạn mức rủi ro; quản trị rủi ro thanh khoản của Công ty
Công cụ quản lý thanh khoản là dùng phân tích đến hạn của các dòng tiền vào (inflow) và dòng tiền ra (outflow) của Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia theo kỳ hạn.

Dựa vào hệ số tài chính như hệ số thanh toán hiện hành, hệ số thanh toán nhanh... và khung thời gian đáo hạn

Báo cáo về dòng tiền được Khối kế toán phụ trách và quản lý hàng ngày để đảm bảo khả năng thanh toán cho Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia

Đề đo lường được rủi ro thanh khoản Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia còn dựa vào mức độ đa dạng hóa các loại tài sản và công nợ; khả năng thanh lý tài sản...

Trên hạn mức rủi ro thanh khoản đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt, Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia có thể so sánh được trạng thái rủi ro thanh khoản hiện tại.

Rủi ro thanh khoản được Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia đo lường định kỳ và thường xuyên.

6.7. Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng như: động đất, chiến tranh... đều có thể gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của ngành cũng như hoạt động của công ty. Những rủi ro này ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra thì có thể ảnh hưởng đến Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Kinh tế năm 2016 vẫn còn nhiều khó khăn, tuy nhiên ban điều hành Công ty đã nỗ lực rất nhiều để đưa hoạt động kinh doanh của Công ty có lợi nhuận. Kết thúc năm 2016 Công ty đạt lợi nhuận hơn 17.2 tỷ đồng trước thuế, lợi nhuận sau thuế đạt 13.8 tỷ đồng.

Dưới đây là một số chỉ tiêu phản ánh tình hình hoạt động của NSI trong 3 năm vừa qua:

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Tăng trưởng (%)
Vốn điều lệ	170.000.000.000	170.000.000.000	170.000.000.000	0.00%
Vốn chủ sở hữu	149.785.401.696	157.346.780.100	171.100.441.174	8.74%
Tổng tài sản	202.283.953.338	160.872.086.054	174.219.893.825	8.30%
Doanh thu	23.797.870.536	25.753.185.737	35.301.216.047	37.08%
L.N trước thuế	8.562.335.342	9.700.844.108	17.191.505.547	77.22%

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2014, 2015, 2016)

1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Tình hình thực hiện kết quả kinh doanh:

Kết thúc năm 2016, tổng doanh thu của công ty đạt 35,3 tỷ đồng (tương đương 90,28% kế hoạch), tổng chi phí là 18,1 tỷ đồng (tương đương 63,75% kế hoạch), lợi nhuận trước thuế đạt 17,2 tỷ đồng (tương đương 160,37% kế hoạch).

Tình hình thực hiện các mục tiêu khác:

- Hoạt động môi giới: Trong năm 2016 hoạt động môi giới đã nỗ lực thực hiện và đạt 49,68% kế hoạch đặt ra. Ngoài ra, Công ty đã xây dựng và đưa vào áp dụng cơ chế lương kinh doanh theo doanh thu phù hợp hơn, đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ bước

- Hoạt động tư vấn tài chính: Trong năm 2016 hoạt động tư vấn chỉ đạt 7,32% kế hoạch đặt ra là do trong năm công ty đang thực hiện nhiều hợp đồng tư vấn dở dang chưa kết thúc nên chưa phát sinh doanh thu, các khoản doanh thu sẽ được thực hiện trong 2017. Bên cạnh đó trong năm 2016 bộ phận tư vấn có sự thay đổi về nhân sự lãnh đạo nên dẫn đến doanh thu hoạt động tư vấn chưa đạt được mục tiêu đề ra.
- Hoạt động nhân sự: Định biên nhân sự của Công ty đảm bảo tiêu chí tinh giảm gọn nhẹ, hoạt động hiệu quả. Tính đến ngày 31/12/2016, tổng số nhân sự tại Công ty là 35 cán bộ, trong đó: tại Hội sở chính là 24 cán bộ; Chi nhánh Hồ Chí Minh: 11 cán bộ. So với năm 2015 thì trong năm 2016, tình hình nhân sự tại Công ty tương đối ổn định. Số lượng cán bộ chấm dứt hợp đồng lao động trong kỳ là: 03 cán bộ; số lượng cán bộ tuyển dụng mới: 02 cán bộ.

Công tác tuyển dụng vẫn còn gặp nhiều khó khăn, việc thu hút nhân sự có trình độ cao chưa thực sự hiệu quả. Số lượng hồ sơ ứng tuyển có chất lượng chưa nhiều. Điều đó đã ảnh hưởng đến việc lựa chọn được những ứng viên thực sự có chất lượng cho công ty đặc biệt là những vị trí thuộc bộ phận kinh doanh như Tư vấn và Môi giới.

Tiền lương: Kể từ ngày 01/01/2016 Công ty thực hiện việc điều chỉnh mức lương chức danh làm căn cứ đóng bảo hiểm theo đúng quy định của nhà nước. Cùng với đó, Công ty thực hiện xây dựng và ban hành Quy chế lương, thưởng mới nhằm đảm bảo phù hợp với quy định của Luật bảo hiểm xã hội hiện hành. Hàng tháng, căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh của công ty để thực hiện việc trả lương cho cán bộ nhằm thúc đẩy hiệu quả làm việc cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Tổ chức nhân sự:

2.1 Danh sách Ban Điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ hiện nay	Trình độ	Tỉ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Tóm tắt quá trình công tác		
					Thời gian (từ tháng/năm đến tháng/năm)	Chức danh công việc	Đơn vị công tác
Ban Tổng Giám đốc							
1	Hồ Anh Dũng Năm sinh: 1982 Giới tính: CMND: 001082006351; cấp ngày: 09/2/2015; Nơi cấp: Hà Nội	Phó Tổng Giám đốc	Thạc sỹ Kinh tế	0%	4/2016 - nay	Phó Tổng Giám đốc	Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia
					2014 -3/2016	Trưởng phòng Phân tích	Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia
					2010-2014	Trưởng phòng khách hàng tổ chức	Công ty Chứng khoán MB
					2009-2010	Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Nội	FPT Telecom
					2007-2009	Trợ lý Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc FPT	Công ty FPT
					2005-2007	Chuyên viên Thanh tra	Cục thuế Hà Nội
					2004-2005	Chuyên viên môi giới	Công ty Chứng khoán Sài Gòn
					2	Vũ Quang Vịnh Năm sinh: 1975 Giới tính: Nam CMND số: 013369325 Ngày cấp: 27/11/2010 Nơi cấp: CA Hà Nội	Phó Tổng Giám đốc
2015 -10/2015	Giám đốc Tư vấn Tài Chính doanh nghiệp	Công ty CP Chứng khoán Đầu tư Việt Nam					
2010 - 2014	Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh	Công ty CP Chứng khoán Bảo Minh					
2009 - 2010	Trưởng phòng Tư vấn tài chính doanh nghiệp	Công ty CP Chứng khoán Châu á Thái Bình Dương					
2007 - 2009	Trưởng phòng Tư vấn doanh nghiệp và bảo lãnh phát hành	Công ty CP Chứng khoán Bảo Minh					

Cán bộ quản lý khác							
3	Phạm Thị Chiến Sinh năm: 1984 Giới tính: Nữ CMND số: 162488774 Ngày cấp: 10/3/2008 Nơi cấp: CA Nam Định	Kế toán trưởng	Thạc sỹ Kinh tế	0%	1/2011 - nay	Kế toán trưởng	Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia
					4/2009 - 2/2010	- Chuyên viên kế toán tổng hợp	Công ty CP Chứng khoán Đại Nam
					01/2007- 3/2009	Nhân viên kế toán tổng hợp	Công ty TNHH xuất nhập khẩu AMC
					7/2006 - 2/2006	- Nhân viên kế toán bán hàng	Công ty TNHH xuất nhập khẩu AMC

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành:

12/04/2016: Bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với ông Hồ Anh Dũng

2.3 Số lượng cán bộ nhân viên trong toàn Công ty.

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2016 tổng số cán bộ nhân viên toàn Công ty là 35 người, bao gồm:

Hội sở chính:

- Ban Tổng Giám đốc: 2 người
- Phòng Môi giới và Dịch vụ khách hàng: 5 người
- Phòng Tư vấn: 4 người

Chi nhánh Công ty tại TP Hồ Chí Minh:

- Ban Giám đốc Chi nhánh: 1 người
- Phòng Môi giới và Dịch vụ khách hàng: 4 người
- Phòng Tư vấn: 4 người

Phòng/ban hỗ trợ khác:

(Bao gồm cả Hội sở và Chi nhánh Công ty tại TP Hồ Chí Minh): 15 người

2.4 Chính sách đối với người lao động:

Chính sách lương:

Công ty luôn đảm bảo mặt bằng lương cạnh tranh trên thị trường và so với các công ty chứng khoán hiện nay nhằm đảm bảo đời sống cho người lao động.

Chính sách khen thưởng, phúc lợi:

Được gắn liền với kết quả công việc và hiệu quả hoạt động kinh doanh nhằm tạo động lực làm việc cho người lao động. Các chế độ khen thưởng cụ thể trong năm 2016 như sau:

- + Thưởng lương tháng 13 theo kết quả kinh doanh công ty.
- + Thưởng cho các tập thể và cá nhân tiêu biểu 2016
- + Thưởng nhân dịp các ngày lễ tết.
- + Chế độ nhân dịp các ngày sinh nhật, hiếu hỉ....

Chế độ bảo hiểm:

Các chế độ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện theo đúng quy định của Nhà Nước.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1 Các khoản đầu tư lớn:

Tính đến thời điểm 31/12/2016 Công ty không có khoản đầu tư lớn nào.

3.2 Các công ty con, công ty liên kết:

Tính đến thời điểm 31/12/2016 Công ty không liên kết và chưa mở công ty con.

4. Tình hình tài chính:

4.1 Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% +/-
Tổng giá trị tài sản	159,641,340,581	174,219,893,825	9.13%
Doanh thu thuần	25,753,185,737	35,301,216,047	37.08%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	9,700,844,108	17,191,505,547	77.22%
Lợi nhuận khác	-	-	
Lợi nhuận trước thuế	9,700,844,108	17,191,505,547	77.22%
Lợi nhuận sau thuế	7,561,378,404	13,753,661,074	81.89%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	445	809	81.80%

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2015,2016)

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Đơn vị tính: Lần

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng, giảm
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
☐ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	42.92	54.57	27.13%
☐ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	42.92	54.57	27.13%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
☐ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.02	0.02	-18.29%
☐ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.02	0.02	-18.63%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
☐ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	0.00	0.00	0.00%
☐ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.16	0.20	26.57%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
☐ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.29	0.39	32.70%
☐ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.05	0.08	67.27%
☐ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.05	0.08	67.96%
☐ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.77	0.49	-37.16%

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2015, 2016)

4.3 Phân tích các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán: Nợ ngắn hạn năm 2016 của Công ty tăng so với 2015 đồng thời vốn lưu động của Công ty cũng gia tăng nên hệ số thanh toán ngắn hạn trong năm 2016 tăng, bên cạnh đó hệ số thanh toán nhanh và thanh toán nợ ngắn hạn đều lớn hơn 1 điều này cho thấy khả năng thanh toán của công ty nằm ở mức khá cao, công ty luôn đáp ứng thanh toán được khoản vay ngắn hạn. Đặc biệt khoản tiền và tương đương tiền của công ty lớn gấp lần 54,57 lần so với nợ ngắn hạn chứng tỏ khả năng thanh toán của công ty rất tốt.
- Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn: Hoạt động kinh doanh của công ty được tài trợ chủ yếu bằng vốn chủ sở hữu thông qua việc chi số nợ/ tổng tài sản. Điều này cho thấy sự chủ động về tài chính của N&S.

- Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động: Chỉ tiêu doanh thu thuần/tổng tài sản năm 2016 tăng 26,57% so với năm 2015 là do doanh thu năm 2016 tăng so với năm 2015. Điều này chứng tỏ công ty đang hoạt động ngày một tốt hơn.
- Các chỉ tiêu về khả năng sinh lợi: Chỉ tiêu ROA, ROE năm 2016 đều tăng so với năm 2015 là do trong năm 2016 công ty đã đạt được lợi nhuận trước thuế và sau thuế cao là do việc tăng doanh thu trong năm. Có thể thấy khả năng sinh lời của vốn chủ sở hữu và khả năng sinh lời của tổng tài sản đã tăng cao hơn.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1 Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 17.000.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 17.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

5.2 Cơ cấu cổ đông (tính tại ngày 31.12.2016):

STT	Họ và tên	Số giấy CMND	Ngày cấp	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL	Đối tượng
1	Trần Việt Anh	013014219	16/10/2007	13.500.000	90%	Cổ đông lớn
2	Nguyễn Thị Thu Hương	145003300	10/03/2011	850.000	5%	Cổ đông lớn
3	Nguyễn Đình Thọ	012343162	16/05/2007	850.000	5%	Cổ đông lớn

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

STT	Họ và tên	Số giấy CMND	Ngày cấp	Số lượng cổ phần đầu năm	Tỷ lệ nắm giữ so với VĐL đầu năm	Số lượng cổ phần cuối năm	Tỷ lệ nắm giữ so với VĐL cuối năm	Lý do
1	Trần Việt Anh	013014219	16/10/2007	13.500.000	90%	13.500.000	90%	
2	Nguyễn Thị Thu Hương	145003300	10/03/2011	850.000	5%	850.000	5%	
3	Nguyễn Đình Thọ	012343162	16/05/2007	850.000	5%	850.000	5%	
	Tổng cộng			17.000.000	100%	17.000.000	100%	

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

5.5 Các chứng khoán khác: Không

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2016
I	Doanh thu	35.301.216.047
1	Môi giới	4.567.068.910
2	Đầu tư	0
3	Doanh thu khác (tư vấn, lưu ký, ...)	30.734.147.137
II	Chi phí	18.109.710.500
1	Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	7.950.063.295
2	Chi phí quản lý	10.159.647.205
III	Lợi nhuận khác	0
IV	Lãi/Lỗ	17.191.505.547

1.1 Những công việc đã hoàn thành:

- Ổn định tổ chức hoạt động của Công ty về mặt nhân sự chủ chốt, tổ chức bộ máy hoạt động của công ty
- Chủ động rà soát lại các quy chế, quy định liên quan đến toàn bộ hoạt động của các phòng chuyên môn, đồng thời giao nhiệm vụ để các Phòng ban, đơn vị sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty như: các quy trình nghiệp vụ, quy trình hợp tác kinh doanh, nội quy lao động.
- Một số hoạt động nghiệp vụ:

+ Đối với nghiệp vụ môi giới:

- Tiếp tục tìm kiếm và phát triển khách hàng mới.
- Trong 11 tháng đầu năm, Phòng Môi giới và dịch vụ khách hàng đã có nhiều cố gắng và tiến bộ hoạt động mở tài khoản của NSI trong đó số lượng tài khoản mở mới là 63 tài khoản. Tuy nhiên, cũng do biến động nhân sự của phòng nên phòng cũng gặp một số khó khăn trong việc mở thêm tài khoản mới. Hoạt động mở tài khoản chưa đạt hiệu quả do còn gặp nhiều khó khăn như bối cảnh thị trường điều chỉnh giảm và đa số nhà đầu tư đang mất niềm tin vào thị trường.
- Đã nghiên cứu và triển khai thành công một số sản phẩm dịch vụ mới để nhằm thu hút khách hàng và tăng giá trị giao dịch cho Công ty.

+ Đối với nghiệp vụ tư vấn:

Trong năm 2016 doanh thu từ hoạt động tư vấn đạt: 130 triệu đồng. Một số hợp đồng tư vấn Công ty đang triển khai cho Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam, Công ty cổ phần thương mại Hà Tây, Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Akito, Công ty cổ phần Hoàng Hà, Công ty Create Capital Việt Nam vẫn chưa ghi nhận doanh thu do chưa kết thúc.

+ Hoạt động Phân tích:

- Phát hành các báo cáo phân tích doanh nghiệp (equity research):

Hoạt động phân tích đã chú trọng tiếp xúc doanh nghiệp, đánh giá hoạt động kinh doanh cơ bản của doanh nghiệp, từ đó xây dựng mô hình định giá sâu sắc, thận trọng từ đó đưa ra khuyến nghị đầu tư.

Các báo cáo phân tích doanh nghiệp đã được phát hành như: Báo cáo phân tích Công ty Cổ phần CMC (HNX: CVT), báo cáo phân tích Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (HOSE: KSB), báo cáo phân tích Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (HOSE: SHI), báo cáo phân tích Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long (HOSE: NLG)...

Chủ động liên hệ với các kênh thông tin trực tuyến nhằm mở rộng đối tượng nhà đầu tư biết tới công ty.

- **Đánh giá nhanh các cơ hội đầu tư**

Với nguồn lực giới hạn, tuy nhiên bộ phận phân tích đã thực hiện đánh giá chi tiết khá nhiều cơ hội đầu tư trong khoảng thời gian ngắn, từ đó hỗ trợ cho hội đồng đầu tư trong việc nhanh chóng đưa ra quyết định đầu tư với các luận điểm và nghiên cứu sâu sắc.

Các cơ hội đầu tư được đội ngũ phân tích NSI thực hiện có thể kể đến như đánh giá cơ hội đầu tư Tổng công ty Máy động lực và nông nghiệp Việt Nam (VEAM), CTCP Đầu tư F.I.T (FIT), CTCP thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh (VSH), CTCP đầu tư hạ tầng kỹ thuật TP.HCM (CII), CTCP đầu tư phát triển đô thị và KCN Sông Đà (SJS), CTCP thiết bị điện Việt Nam (GILEX), CTCP nhựa Đông Á (DAG), Tổng Công ty Vinaconex (VCG), CTCP Phát triển hạ tầng kỹ thuật (IJC), CTCP Cơ điện lạnh (REF),....

- **Hỗ trợ cho khối môi giới các báo cáo phân tích thị trường:**

Báo cáo nhận định thị trường hàng ngày: cung cấp phân tích tổng quan về diễn biến thị trường trong ngày, đánh giá thanh khoản, xu hướng dòng tiền, sự biến động của các phân lớp cổ phiếu từ đó dự báo xu hướng thị trường trong phiên giao dịch tiếp theo.

Báo cáo dự báo xu hướng thị trường trong tuần: tổng hợp các yếu tố thị trường diễn ra trong tuần từ đó kết hợp với các thông tin tài chính, vĩ mô, biến động trong tuần để đưa ra chiến lược đầu tư trong tuần tiếp theo.

Báo cáo dự báo chiến lược đầu tư tháng: Đánh giá sâu sắc các nhân tố biến động thị trường và biến động vĩ mô diễn ra trong tháng, từ đó cập nhật dự báo xu hướng của nền kinh tế và một số ngành trọng điểm, kết hợp với các yếu tố trên thị trường để đưa ra chiến lược đầu tư tổng quát trong tháng cho nhà đầu tư.

1.2 **Những hạn chế:**

- Công ty chưa có đầy đủ các nghiệp vụ của công ty chứng khoán nên chưa thể triển khai các nghiệp vụ theo quy định của UBCK, điều này ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

2. **Tình hình tài chính:**

2.1 **Tình hình tài sản:**

Đơn vị tính: Đồng

Chi tiêu	01/01/2016	31/12/2016
I Tài sản ngắn hạn	155.648.825.419	170.228.189.880
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	150.090.641.045	166.412.605.404
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	30.822.184	30.822.184
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	3.795.034.330	2.303.819.413
4. Hàng tồn kho	0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	1.745.326.050	1.496.395.441

II Tài sản dài hạn	3.992.515.162	3.991.703.945
1. Tài sản cố định	1.222.923.855	978.118.616
2. Tài sản dài hạn khác	2.769.591.307	3.013.585.329
Tổng cộng tài sản	159.641.340.581	174.219.893.825

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2016)

2.2 Tình hình nợ phải trả:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nợ phải trả	01/01/2016	31/12/2016
I	Nợ ngắn hạn	2.294.560.481	3.119.452.651
1	Người mua trả tiền trước	287.500.000	537.000.000
2	Thuế và các khoản phải nộp NN	1.511.296.350	1.670.825.597
3	Phải trả người lao động	441.984.214	877.460.042
4	Chi phí phải trả	22.000.000	22.000.000
5	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	20.718.002	11.770.287
6	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	0	0
7	Quỹ khen thưởng phúc lợi	179.577	179.577
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	10.665.190	0
II	Nợ dài hạn		
1	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	0	0

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2016)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Ổn định tổ chức hoạt động của Công ty về mặt nhân sự chủ chốt, tổ chức bộ máy hoạt động của Công ty.
- Chủ động rà soát lại các quy chế, quy định liên quan đến toàn bộ hoạt động của các phòng chuyên môn, đồng thời giao nhiệm vụ để các Phòng ban, đơn vị sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty như: các quy trình nghiệp vụ, quy trình hợp tác kinh doanh, nội quy lao động....

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

4.1 Một số dự báo tình hình năm 2017.

Kinh tế thế giới:

Thế giới bước sang năm 2017 trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu đang có những dấu hiệu phục hồi khả quan sau khi trải qua giai đoạn khó khăn, trời sập hồi đầu năm 2016. Tuy nhiên, GDP toàn cầu dự kiến sẽ chỉ đạt mức tăng 2,6% trong năm 2016, thấp hơn so với các dự báo từ đầu năm.

Các nền kinh tế lớn đã dần lấy lại được đà tăng trưởng mà đáng kể nhất là kinh tế Mỹ đạt tốc độ tăng GDP lên tới 3,2% trong quý III/2016 và thị trường tiếp tục có những phản ứng tích cực sau khi ông Donald Trump đắc cử Tổng thống. Nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới là Trung Quốc vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng cao ổn định dự kiến ở mức 6,5%.

Liên minh châu Âu (EU) mặc dù phải chung sức giải quyết cuộc khủng hoảng nợ công Hy Lạp, làn sóng di cư từ Trung Đông, châu Phi và chịu tác động của sự kiện Anh quyết định rút khỏi EU (Brexit), nhưng vẫn giảm được tỷ lệ thất nghiệp, tăng lượng hàng hóa xuất khẩu và duy trì tỷ lệ lạm phát thấp, dự báo tăng trưởng của khối sẽ đạt trên 1,5% trong năm 2016. Trong số các nền kinh tế mới nổi, Ấn Độ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng nhanh nhất thế giới ở mức 7,6%, qua đó vượt Anh trở thành nền kinh tế lớn thứ 6 thế giới.

Kinh tế toàn cầu cũng đã được hưởng lợi từ một số sự kiện và xu hướng lớn trong năm 2016 như việc cử tri Mỹ lựa chọn ông Donald Trump làm Tổng thống tạo ra cú hích cho nền kinh tế lớn nhất thế giới, cuộc cách mạng nông nghiệp tại châu Phi đã đem lại thành quả khi giúp nhiều nước trong khu vực thoát khỏi đói nghèo và đóng vai trò quan trọng trong chuyển đổi cơ cấu kinh tế tại Lục địa Đen.

Dan xen trong bức tranh kinh tế thế giới đang khởi sắc, một số nền kinh tế lớn khác như Nhật, Nga, Brazil vẫn chưa thoát khỏi bờ vực suy thoái do nhiều khó khăn bủa vây. Nhật Bản chưa thể giải quyết được bài toán về lực lượng lao động ngày càng sút giảm và gánh nặng tỷ lệ dân số già. Kinh tế Nga tiếp tục bị ảnh hưởng nặng nề do các lệnh cấm vận của phương Tây và giá dầu giảm. Những biến động chính trị tại Brazil là một trong những nguyên nhân khiến nền kinh tế của quốc gia thuộc khối BRICS này chưa thể cất cánh.

Năm 2016 cũng đã chứng kiến một số sự kiện lớn có tác động tiêu cực đến nền kinh tế thế giới có thể kể đến như vụ Hồ sơ Panama bị tiết lộ khiến một số nguyên thủ quốc gia phải từ chức; người dân Anh quyết định rút khỏi EU gây ra lo ngại về các quan hệ hợp tác nội khối trong tương lai; những bất ổn an ninh gây thiệt hại cho ngành du lịch toàn cầu.

Mặc dù vậy, theo các nhà phân tích, triển vọng kinh tế thế giới năm 2017 dự báo sẽ được cải thiện với mức tăng GDP dự kiến đạt trên 3% khi các nền kinh tế lớn đang dần lấy lại đà tăng trưởng trong giai đoạn gần đây.

Dự báo tăng trưởng GDP của EU và Vương quốc Anh năm 2017 sẽ khả quan hơn năm 2016 khi những lo ngại về tác động tiêu cực từ Brexit đã giảm bớt. Đối với các nền kinh tế lớn mới nổi, dự báo GDP của Trung Quốc vẫn ổn định ở mức trên 6,5%, tăng trưởng của Nga và Ấn Độ sẽ suy giảm nhẹ, trong khi sự phục hồi của kinh tế Brazil phụ thuộc nhiều vào tình hình chính trị nội bộ đang có nhiều biến động tại quốc gia Nam Mỹ này.

Vùng trũng trong bức tranh tăng trưởng của kinh tế thế giới trong năm 2017 được dự báo là khu vực Mỹ La tinh và châu Phi cận Sahara do tiếp tục chịu ảnh hưởng của tình trạng khủng hoảng, suy thoái kéo dài.

Tại khu vực châu Á-Thái Bình Dương, nền kinh tế các nước ASEAN và Việt Nam sẽ đứng trước nhiều thách thức vì đồng USD tăng giá trong bối cảnh Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) đứng trước nguy cơ tan vỡ và các quốc gia Đông Nam Á vẫn chưa thống nhất ký kết Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP).

Năm 2017, thế giới chờ đợi sẽ diễn ra nhiều biến động và sự kiện lớn tạo ra cả cơ hội và thách thức đối với kinh tế toàn cầu. Trong đó có thể kể đến những biến động chính trị tại các nền kinh tế hàng đầu như Mỹ, Trung Quốc, Pháp, Đức, sự kiện Brexit, vấn đề toàn cầu hóa và tự do thương mại đứng trước thử thách bởi chủ nghĩa dân túy, thiên hữu lên ngôi.

Tuy nhiên, với những chỉ số thống kê lạc quan và đà tăng trưởng đang lên trong thời gian gần đây, kinh tế toàn cầu được kỳ vọng sẽ khởi sắc và tăng trưởng cao hơn trong năm 2017./.

Kinh tế Việt Nam và thị trường chứng khoán:

Có thể nói, 2017 là năm quyết định đối với việc thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020. Chính vì vậy, Quốc hội, Chính phủ đã quyết tâm phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng 6,7% trong năm 2017. Nếu như năm 2017 không đạt mục tiêu tăng trưởng 6,7% thì việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng 6,5-6,7% của cả giai đoạn 2016-2020 sẽ rất khó khăn.

Tuy nhiên, 2017 dự báo sẽ là năm môi trường kinh tế thế giới có nhiều bất định hơn năm 2016, trong khi kinh tế trong nước vẫn đang tồn tại những vấn đề có tính cơ cấu dài hạn, chẳng hạn như vấn đề nợ xấu ngân hàng, nợ công... Những vấn đề dài hạn khiến tính linh hoạt của chính sách để đối phó với những bất định trong ngắn hạn càng thêm hạn chế; ngược lại, những bất định, khó khăn trong ngắn hạn lại làm chậm, thậm chí cạnh tranh nguồn lực với tiến trình giải quyết những vấn đề dài hạn.

Những điểm thuận lợi:

Giá hàng hóa thế giới tăng, có lợi cho nông nghiệp và khai khoáng.

Năm 2016, giá hàng hóa thế giới tiếp tục giảm với giá dầu thô WTI ước giảm 11,5% so với năm 2015, xuống mức bình quân cả năm là 43,07 USD/thùng. Do đó, sản lượng dầu khai thác trong nước đã phải cắt giảm 10%, ảnh hưởng đến tăng trưởng của ngành khai khoáng (ước ở mức âm 3,6%).

Giá xuất khẩu nông sản, thực phẩm trong năm 2016 cũng giảm 5,8%, cùng với thời tiết phức tạp, hạn hán kéo dài, đã ảnh hưởng đến tăng trưởng của ngành nông nghiệp (ước chỉ ở mức 0,05%).

Sang năm 2017, theo dự báo của Cơ quan năng lượng Hoa Kỳ (EIA) giá dầu thô WTI sẽ tăng 17,6% so với năm 2016, lên mức 50,66 USD/thùng (cao hơn mức 48,67 USD/thùng của năm 2015). Với mức giá trên, ngành dầu khí có điều kiện tăng sản lượng khai thác dầu thô và ngành khai khoáng sẽ tăng trưởng dương trong năm 2017.

Giá nông sản cũng được Ngân hàng Thế giới dự báo sẽ tăng 1,4% trong năm 2017, giá tăng sẽ giúp ngành nông nghiệp giảm bớt khó khăn.

Chính sách hướng nội của tổng thống Mỹ, ảnh hưởng tích cực cho xuất khẩu và đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Tổng thống Mỹ mới đắc cử Donald Trump có chủ trương rút khỏi Hiệp ước đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và gia tăng bảo hộ thương mại trong năm 2017. Động thái này đã và sẽ có ảnh hưởng tiêu cực đến xuất khẩu và đầu tư trực tiếp nước ngoài của Việt Nam. Tuy nhiên, chủ trương hướng nội của ông Donald Trump cũng có ảnh hưởng tích cực đến xuất khẩu cũng như đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam. Cụ thể:

- Chủ trương ưu tiên giải quyết những vấn đề nội bộ trong nước, nhất là ưu tiên tăng trưởng kinh tế và nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng của Tổng thống Donald Trump sẽ có tác động tích cực đến xuất khẩu của Việt Nam sang Mỹ, kể cả xuất khẩu hàng tiêu dùng lẫn hàng phục vụ đầu tư.
- Tổng thống Hoa Kỳ muốn cải thiện quan hệ với Nga qua đó giúp ổn định tình hình Trung Đông, chấm dứt xung đột vũ trang khu vực. Sau khi ổn định được tình hình Trung Đông, Hoa Kỳ và các nước sẽ khởi động chương trình tái thiết ở khu vực này, cũng làm tăng nhu cầu nhập khẩu hàng hóa từ các nước, trong đó có Việt Nam.
- Chính phủ mới của Hoa Kỳ chủ trương cứng rắn với Trung Quốc trong lĩnh vực thương mại và không loại trừ khả năng chiến tranh thương mại giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc. Khả năng này có thể dẫn đến việc các hãng sản xuất tìm cách chuyển sản xuất sang Việt Nam và các nước Đông Nam Á. Điều này vừa làm tăng đầu tư nước ngoài vào Việt Nam vừa làm tăng kim ngạch xuất khẩu từ Việt Nam sang các nước.

Những ảnh hưởng tích cực đối với xuất khẩu và đầu tư nước ngoài vào Việt Nam nêu trên sẽ lớn hơn những ảnh hưởng tiêu cực từ chủ trương chính sách của ông Donald Trump.

Môi trường đầu tư kinh doanh cải thiện, thúc đẩy tăng trưởng dài hạn Năm 2016, được khuyến khích bởi những cải thiện về môi trường đầu tư kinh doanh, tỷ lệ đầu tư tư nhân so với GDP tiếp tục tăng lên mức 12,9%, từ mức 12,6% năm 2015 và 11,9% năm 2014. Đầu tư tư nhân đang là động lực quan trọng đối với tăng trưởng tiềm năng (tăng trưởng dài hạn), giúp tăng trưởng tiềm năng duy trì đà cải thiện kể từ năm 2013.

Sang năm 2017, tăng trưởng tiềm năng dự báo sẽ tiếp tục tăng lên mức 6,5% trong năm 2017, so với mức 6,2% trong năm 2016. Cộng với những cải thiện trong ngắn hạn của ngành nông nghiệp và khai khoáng nêu trên, tăng trưởng năm 2017 có khả năng đạt mức 6,7%.

Những điểm khó khăn:

Biến đổi khí hậu, kinh tế thế giới diễn biến khó lường, gây khó khăn cho mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô.

Biến đổi khí hậu khiến cho ngành nông nghiệp đứng trước rủi ro rất lớn từ thiên tai, hạn hán. Trong khi đó, môi trường kinh tế thế giới trong năm 2017 cũng sẽ có nhiều bất định, ảnh hưởng đến khả năng dự báo và mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô của Việt Nam:

Một là, giá hàng hóa thế giới phục hồi trong năm 2017 một mặt tạo thuận lợi cho ngành nông nghiệp và khai khoáng nhưng mặt khác lại gây áp lực lên lạm phát. Năm 2016, lạm phát được kiểm soát ở mức dưới 5% có đóng góp đáng kể của việc giảm giá hàng hóa thế giới. Giá hàng hóa thế giới giảm đã giúp giá nhập khẩu giảm 5,4% và giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất giảm 0,8% trong năm 2016. Sang năm 2017, theo dự báo của Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia (UBGTCQG), yếu tố giá hàng hóa thế giới có thể làm lạm phát cao hơn năm 2016 khoảng 2,5 điểm phần trăm.

Hai là, chính sách tiền tệ của các nền kinh tế phát triển mặc dù sẽ tiếp tục nới lỏng trong năm 2017 nhưng mức độ nới lỏng sẽ giảm xuống. Trong 2 năm gần đây (2015 và 2016), chính sách tiền tệ nới lỏng của các nền kinh tế phát triển đã tạo một dòng vốn đầu tư gián tiếp vào các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển. Do đó, cùng với cán cân thương mại, cán cân thanh toán trong năm 2017 sẽ không thặng dư lớn như năm 2016 và mục tiêu ổn định tỷ giá sẽ không thuận lợi bằng năm 2016.

Nợ công ở mức cao, gây áp lực đối với mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô.

Mặc dù giá dầu thô được dự báo cải thiện, nhưng thu NSNN trong năm 2017 dự báo đó vẫn còn khó khăn do thực hiện cam kết quốc tế về cắt giảm thuế nhập khẩu và thuế thu nhập doanh nghiệp theo lộ trình. Trong khi đó, chi ngân sách tăng so với năm 2016 để khắc phục hậu quả của thiên tai, hạn hán. Tình hình trên cho thấy cân đối ngân sách trong năm 2017 sẽ còn khó khăn hơn năm 2016.

Nợ công dự kiến tiếp tục tăng lên 65,8% GDP trong năm 2017 (so với 62,2% GDP trong năm 2015 và 65,3% GDP trong năm 2016), trong khi đó, khả năng huy động vốn cho ngân sách sẽ không còn thuận lợi như trong năm 2016. Với vấn đề phát hành trái phiếu chính phủ (TPCP) năm 2017, trước sức ép lạm phát từ tăng giá hàng hóa thế giới, chính sách tiền tệ có thể phải giảm bớt mức nới lỏng và điều kiện cho các ngân hàng mua TPCP sẽ không còn thuận lợi như trong năm 2016.

Nợ xấu chưa được xử lý triệt để, cản trở mục tiêu giảm lãi suất cho doanh nghiệp

Năm 2016, chất lượng tín dụng của hệ thống ngân hàng có sự cải thiện: Tỷ lệ nợ xấu bình quân toàn hệ thống theo báo cáo giảm từ 2,9% trong năm 2015 xuống 2,8% trong năm 2016. Tuy nhiên, việc xử lý nợ xấu và tái cơ cấu tại một số ngân hàng yếu kém diễn ra chậm và chưa triệt để, sẽ tiếp tục cản trở mục tiêu giảm lãi suất trong năm 2017. Theo báo cáo của UBGSTCQG, trong số nợ xấu bán cho Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), chỉ mới xử lý được khoảng 38 nghìn tỷ đồng, tương đương 15% và chiếm 4,3% tổng dư nợ tín dụng.

4.2 Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh:

Trên cơ sở dự báo thị trường, quan điểm của ban điều hành tiếp tục đề xuất thận trọng và từng bước tìm cơ hội thị trường để tận dụng do đó Ban Tổng giám đốc đã xây dựng kế hoạch kinh doanh trên lượng vốn khả dụng hiện có của Công ty như sau:

Đơn vị: Đồng

STT	Chi tiêu	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017
I	Doanh thu	25.753.185.737	35.301.216.047	44.629.834.909
1	Môi giới	5.787.511.289	4.567.068.910	9.378.133.414
2	Đầu tư	0	0	0
3	Doanh thu khác (nguồn, tư vấn, ...)	19.965.674.448	30.734.147.137	35.251.701.495
II	Chi phí	16.052.341.629	18.109.710.500	27.342.658.104
1	Chi phí hoạt động KDCK	5.795.846.846	7.950.063.295	13.367.183.688
2	Chi phí quản lý	10.256.494.783	10.159.647.205	13.975.474.416

III	Lợi nhuận khác	0	0	
IV	Lãi/Lỗ	9.700.844.108	17.191.505.547	17.287.176.804

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm 2016 được kiểm toán không có ý kiến loại trừ và ý kiến chấp nhận từng phần.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế, lãnh đạo và cán bộ nhân viên của Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Gia đã không ngừng cố gắng để đạt được kết quả với mức lợi nhuận hơn 17,2 tỷ đồng. Kết quả này phần nào phản ánh sự lãnh đạo đúng đắn của Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý, điều hành Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

Trong năm 2016, Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động kinh doanh theo đúng các quy định hiện hành của Pháp luật, Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

3.1 Công tác định hướng hoạt động:

Năm 2017 Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục nỗ lực trong việc định hướng hoạt động, hỗ trợ sát sao hoạt động của Ban điều hành nhằm đạt được mục tiêu an toàn và hiệu quả, cụ thể:

- Định hướng hoạt động đầu tư an toàn, tập trung hoạt động cốt lõi.
- Định hướng hoạt động dịch vụ, nâng cao chất lượng các dịch vụ
- Định hướng củng cố mô hình tổ chức, tăng cường đội ngũ nhân sự có chuyên môn cao.
- Thực hiện đổi mới quản trị để nâng cao chất lượng quản lý điều hành nhằm đạt được mục tiêu kinh doanh 2017

3.2 Công tác phát triển:

- Tiếp tục phối hợp, hỗ trợ Ban điều hành phấn đấu đạt mức độ tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận như kế hoạch 2017 đã đề ra
- Mở rộng thêm các ngành nghề kinh doanh và nâng cao hoạt động kinh doanh

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.

1. Hội đồng quản trị:

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức danh	Số lượng CP sở hữu	Tỉ lệ sở hữu CP	Hình thức	Chức danh nắm giữ tại công ty khác
1	Ông Nguyễn Hải Dương	Chủ tịch HĐQT	0	0	Thành viên Điều hành	Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Đầu tư và phát triển SaCom
2	Ông Trần Việt Anh	Ủy viên HĐQT	13.500.000	90%	Thành viên không trực tiếp điều hành	Thành viên HĐQT - Công ty cổ phần xây dựng ECI Sài Gòn Thành viên HĐQT - Công ty CP SaCom Tuyền Lâm Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư phát triển Công nghiệp - Thương mại Củ Chi Thành viên HĐQT Công ty CP dịch vụ và xây dựng địa ốc Đất Xanh
3	Ông Nguyễn Đình Thọ	Ủy viên HĐQT	0	0	Thành viên độc lập	

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

1.3 Hoạt động của hội đồng quản trị

Trong năm 2016, Hội đồng Quản trị luôn bám sát hoạt động thực tế của Công ty để đưa ra các chủ trương, quyết sách nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện cho Ban Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh của Công ty.

Hội đồng Quản trị luôn theo sát Ban Tổng Giám đốc Công ty trong việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết và quyết định của Hội đồng Quản trị, của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị:

Năm 2016, Hội đồng Quản trị đã thực hiện 02 cuộc họp

Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Hải Dương	Chủ tịch HĐQT	2/2	100%	
2	Ông Trần Việt Anh	Ủy viên HĐQT	2/2	100%	
3	Ông Nguyễn Đình Thọ	Ủy viên HĐQT	2/2	100%	

Nội dung và Quyết định Nghị quyết các cuộc họp Hội đồng Quản trị, như sau:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Số: 22/2016/HĐQT-QĐ	12/4/2016	<ul style="list-style-type: none">Bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với ông Hồ Anh Dũng
2	Số 31/2016/NQ-DHCD	31/5/2016	<ul style="list-style-type: none">Thông qua báo cáo quản trị năm 2015 và định hướng quản trị năm 2016Thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015Thông qua kế hoạch kinh doanh 2016 của Công tyThông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2015 và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2016Thông qua báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán bởi công ty Hợp danh kiểm toán Việt Nam (CPA Việt Nam)Thông qua quyết toán thù lao Hội đồng quản trị năm 2015 và kế hoạch trả thù lao Hội đồng quản trị năm 2016Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn một công ty kiểm toán độc lập được ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty

			<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc bổ sung nghiệp vụ tự doanh chứng khoán và nghiệp vụ giao dịch ký quỹ chứng khoán cho công ty - Thông qua việc sửa đổi điều lệ công ty
--	--	--	---

1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

- Ông Trần Việt Anh – Thành viên Hội đồng quản trị được phân công phụ trách công tác quản trị rủi ro trực thuộc Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Gia kể từ ngày 02/12/2013 theo Quyết định số 55/2013/HĐQT-QĐ ngày 02/12/2013 của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Ông Nguyễn Đình Thọ - Thành viên Hội đồng Quản trị không trực tiếp điều hành công việc tại Công ty. Tuy vậy, với việc duy trì chế độ báo cáo thường kỳ bằng hình thức văn bản, bằng dữ liệu điện tử các thành viên Hội đồng Quản trị đều nắm được tình hình hoạt động và đảm bảo công tác điều hành, chỉ đạo kịp thời với Ban Lãnh đạo Công ty.

1.5 Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không

1.6 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

- Ông Nguyễn Hải Dương - Thạc sỹ Quản trị chuyên ngành Ngân hàng - Tài chính

1.7 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm: Không

2. Ban kiểm soát

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Vị trí	Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Công ty
1	Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên	5%

Trong năm 2016, Ban kiểm soát đã thực hiện và tiến hành các hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của NSI cũng như tuân thủ các quy định khác của Pháp luật:

- Thực hiện giám sát hoạt động và việc tuân thủ quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý, điều hành Công ty.
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và một số buổi họp của Ban lãnh đạo NSI về kế hoạch kinh doanh năm và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm.
- Thường xuyên kiểm soát hoạt động sử dụng vốn của NSI, theo dõi luân chuyển vốn tài sản của NSI.
- Kiểm soát các báo cáo tài chính hàng quý, sáu tháng và báo cáo năm, nhằm đánh giá tính hợp lý và chính xác của các số liệu tài chính trước khi đệ trình Hội đồng quản trị.
- Kiểm soát việc chấp hành chế độ chi tiêu nội bộ tại Công ty.
- Các công việc khác theo quyết định của Hội đồng quản trị, quy định của Điều lệ Công ty.

Trong năm 2015, Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban điều hành, đồng thời nhận được sự hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát của mình.

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát luôn có sự trao đổi thông tin trong các vấn đề liên quan đến định hướng của NSI, bám sát nhiệm vụ được giao.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	Tên	Chức vụ	Thù lao (đồng/người/năm)
I. Thù lao Hội đồng quản trị			
1	Nguyễn Hải Dương	Chủ tịch HĐQT	260.000.000
2	Nguyễn Đình Thọ	Ủy viên HĐQT	12.000.000
3	Trần Việt Anh	Ủy viên HĐQT	12.000.000
II. Thù lao Ban kiểm soát			
1	Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên	0

STT	Tên	Chức vụ	Lương (đồng/người/năm)
Tiền lương của Ban Giám đốc			
1	Hồ Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc	471.375.000
2	Vũ Quang Vịnh	Phó Tổng Giám đốc	188.175.000
3	Nguyễn Lâm Tùng	Giám đốc chi nhánh	270.000.000

3.2 *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:* Không

3.3 *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:* Không

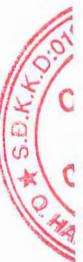
3.4 *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:* Trong năm 2016 Công ty không có nội dung nào chưa thực hiện theo các quy định của pháp luật về quản trị công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

HÀ NỘI, THÁNG 03 NĂM 2017

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	07 - 09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	10 - 11
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	12
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	14 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Hải Dương	Chủ tịch
Ông Trần Việt Anh	Ủy viên
Ông Nguyễn Đình Thọ	Ủy viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Vũ Quang Vịnh	Phó Tổng giám đốc
Ông Hồ Anh Dũng	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 12/04/2016)
Ông Nguyễn Lâm Tùng	Giám đốc chi nhánh

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của công ty chứng khoán. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng giám đốc,
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA



Hồ Anh Dũng

Phó Tổng giám đốc

(Giấy ủy quyền số 24/2016/CT.HĐQT-UQ ngày 19/04/2016)

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2017

Số: ...-17/BC-TC/I-VAE

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Hùng Sơn

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM



Nguyễn Thị Hồng Vân

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0946-2013-034-1

Mẫu số B01-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130)	100		170.228.189.880	155.648.825.419
I. Tài sản tài chính	110		168.731.794.439	153.903.499.369
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111		166.412.605.404	150.090.641.045
1.1. Tiền	111.1	A.5.1	166.412.605.404	150.090.641.045
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		-	-
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	A.5.2	30.822.184	30.822.184
6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	A.5.3	(15.452.562)	(12.998.190)
9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	119	A.5.4	2.303.819.413	3.795.034.330
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		1.496.395.441	1.745.326.050
1. Tạm ứng	131	A.5.17	1.310.227.400	1.547.825.700
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	A.5.5	171.168.041	-
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	A.5.18	15.000.000	137.500.350
5. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		-	60.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)	200		3.991.703.945	3.992.515.162
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		978.118.616	1.222.923.855
1. Tài sản cố định hữu hình	221	A.5.7	89.056.831	106.930.012
- Nguyên giá	222		196.722.240	163.282.240
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(107.665.409)	(56.352.228)
3. Tài sản cố định vô hình	227	A.5.8	889.061.785	1.115.993.843
- Nguyên giá	228		4.910.008.794	4.710.008.794
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(4.020.947.009)	(3.594.014.951)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	250		3.013.585.329	2.769.591.307
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	A.5.5	12.374.937	149.740.466
4. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	254	A.5.6	3.001.210.392	2.619.850.841
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		174.219.893.825	159.641.340.581

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B01-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		3.119.452.651	2.294.560.481
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		3.119.452.651	2.294.560.481
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		-	-
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	A.5.12	537.000.000	287.500.000
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	A.5.13	1.670.825.597	1.511.296.350
11. Phải trả người lao động	323		877.460.042	441.984.214
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		217.148	217.148
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	A.5.14	22.000.000	22.000.000
15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		-	10.665.190
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	A.5.15	11.770.287	20.718.002
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		179.577	179.577
II. Nợ phải trả dài hạn	340		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400		171.100.441.174	157.346.780.100
I. Vốn chủ sở hữu	410		171.100.441.174	157.346.780.100
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		170.000.000.000	170.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		170.000.000.000	170.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		170.000.000.000	170.000.000.000
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		528.621.659	528.621.659
6. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		219.857.812	219.857.812
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417	A.5.18	351.961.703	(13.401.699.371)
7.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		351.961.703	(13.401.699.371)
7.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		174.219.893.825	159.641.340.581

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc

Phạm Hồng Thương

Phạm Thị Chiến

Hồ Anh Dũng

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. Tài sản của Công ty chứng khoán và tài sản quản lý theo cam kết				
6. Cổ phiếu đang lưu hành	006		17.000.000	17.000.000
7. Cổ phiếu quỹ	007		-	-
8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Công ty chứng khoán	008	A.5.9	1.807	1.786
B. Tài sản và các khoản phải trả về tài sản quản lý cam kết với khách hàng				
1. Tài sản tài chính niêm yết/ đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	A.5.10	1.503.846.240.000	1.145.576.120.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		1.503.846.240.000	1.145.576.120.000
7. Tiền gửi của khách hàng	026	A.5.11	17.327.461.190	1.230.745.473
7.1. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	027		17.301.139.092	793.637.098
7.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028		3.996.782	1.116.301
7.3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		22.325.316	435.992.074
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước	029.1		8.483.193	422.017.104
b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài	029.2		13.842.123	13.974.970
7.4. Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán	030			
8. Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	031	A.5.20	17.327.461.190	1.230.745.473
8.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	031.1		17.291.723.833	1.230.745.473
8.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	031.2		35.737.357	-

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc

Phạm Hồng Thương

Phạm Thị Chiến

Hồ Anh Dũng

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B02-CTCK

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01	B.5.21	6.172.182	1.562.800
b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	01.2		3.888.997	-
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3		2.283.185	1.562.800
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03		28.783.983.433	17.671.449.904
1.6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		4.567.068.910	5.787.511.289
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		838.267.661	659.425.997
1.10. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		130.000.000	811.363.636
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 ->11)	20		34.325.492.186	24.931.313.626
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
		B.5.23		
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		3.888.997	-
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	21.2		3.888.997	-
2.3. Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại	23		2.454.372	917.244
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		3.923.005.913	2.242.368.824
2.9. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29		-	104.964.605
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		642.477.954	63.111.983
2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		6.000.000	-
2.12. Chi phí các dịch vụ khác	32		3.372.236.059	3.384.484.190
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 ->32)	40		7.950.063.295	5.795.846.846
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
		B.5.22		
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		975.723.861	821.872.111
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 -> 44)	50		975.723.861	821.872.111
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
Cộng chi phí tài chính (60 = 51 -> 55)	60		-	-
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG				
Cộng chi phí bán hàng (61)	61		-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN				
Cộng chi phí quản lý công ty chứng khoán (62)	62	B.5.24	10.159.647.205	10.256.494.783
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG				
(70 = 20 + 50 - 40 - 60 - 61 - 62)	70		17.191.505.547	9.700.844.108
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	80		-	-

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B02-CTCK

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		17.191.505.547	9.700.844.108
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		17.191.505.547	9.700.844.108
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		-	-
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		3.437.844.473	2.139.465.704
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	B.5.25	3.437.844.473	2.139.465.704
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	-
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90-100)	200		13.753.661.074	7.561.378.404
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300		-	-
Tổng thu nhập toàn diện	400		13.753.661.074	7.561.378.404
XIII. THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500		809	445
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	501		809	445
13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	502		-	-

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Người lập

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc

Phạm Hồng Thương

Phạm Thị Chiến

Hồ Anh Dũng

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2016	Năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01		17.191.505.547	9.700.844.108
2 Điều chỉnh cho các khoản	02		(497.307.435)	(322.986.689)
- Khấu hao tài sản cố định	03		478.245.239	499.530.978
- Các khoản dự phòng	04		2.454.372	917.244
- Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	07		(978.007.046)	(823.434.911)
3 Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		-	-
- Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		-	-
4 Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		-	-
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		-	-
5 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		(2.347.546.272)	(54.171.617.301)
- Tăng (giảm) các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		1.491.214.917	(784.750.458)
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		38.739.099	-
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		(33.802.512)	12.564.748
- Thuế TNDN đã nộp	43		(3.437.836.050)	(1.975.072.681)
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		81.993.905	(2.286.720.199)
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		159.520.824	(49.137.638.711)
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		435.475.828	-
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		(1.082.852.283)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		14.346.651.840	(44.793.759.882)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác	61		(233.440.000)	(145.598.400)
4. Tiền thu hồi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	64		-	435.784
5. Tiền thu về lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		978.007.046	823.434.911
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		744.567.046	678.272.295
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		-	-
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ (90=60+70+80)	90		15.091.218.886	(44.115.487.587)
V. Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	101	A.5.1	151.321.386.518	194.206.128.632
- Tiền	101.1		151.321.386.518	194.206.128.632
- Các khoản tương đương tiền	101.2		-	-
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	102		-	-

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2016	Năm 2015
VI Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (103=90+101)	103	A.5.1	166.412.605.404	150.090.641.045
- Tiền	103.1		166.412.605.404	150.090.641.045
- Các khoản tương đương tiền	103.2		-	-
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	104		-	-

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2016	Năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		1.443.466.360.100	631.563.922.300
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(1.554.051.157.700)	(464.224.909.300)
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		126.832.962.173	(214.892.841.675)
11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(273.152.662)	(526.038.721)
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	20		15.975.011.911	(48.079.867.396)
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30		1.352.449.279	49.432.316.675
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ	31		1.352.449.279	49.432.316.675
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý.	32		915.340.904	37.382.961.399
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	34		1.116.301	-
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	35		435.992.074	12.049.355.276
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40=20+30)	40		17.327.461.190	1.352.449.279
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ	41		17.327.461.190	1.352.449.279
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	42		17.301.139.092	915.340.904
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43		3.996.782	1.116.301
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		22.325.316	435.992.074

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc

Phạm Hồng Thương

Phạm Thị Chiến

Hồ Anh Dũng

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B04-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
				Năm 2015		Năm 2016			
		01/01/2015	01/01/2016	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	31/12/2015	31/12/2016
I. Biến động vốn chủ sở									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		170.000.000.000	170.000.000.000	-	-	-	-	170.000.000.000	170.000.000.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		170.000.000.000	170.000.000.000	-	-	-	-	170.000.000.000	170.000.000.000
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		528.621.659	528.621.659	-	-	-	-	528.621.659	528.621.659
7. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		219.857.812	219.857.812	-	-	-	-	219.857.812	219.857.812
8. Lợi nhuận chưa phân phối		(20.963.077.775)	(13.401.699.371)	7.561.378.404	-	13.753.661.074	-	(13.401.699.371)	351.961.703
8.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(20.963.077.775)	(13.401.699.371)	7.561.378.404	-	13.753.661.074	-	(13.401.699.371)	351.961.703
Tổng cộng		149.785.401.696	157.346.780.100	7.561.378.404	-	13.753.661.074	-	157.346.780.100	171.100.441.174

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA
Phó Tổng giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hồ Anh Dũng

Phạm Hồng Thương

Phạm Thị Chiên

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

1. Đặc điểm hoạt động của Công ty chứng khoán

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 0103015005 ngày 11/12/2006 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Quyết định cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 27/UBCK-GPHĐKD ngày 15/12/2006, Quyết định số 49/UBCK-GP ngày 05/03/2009, Quyết định số 196/UBCK-GCN ngày 05/03/2009, Quyết định 89/GPĐC-UBCK ngày 31/05/2012, Quyết định số 97/GPĐC-UBCK ngày 04/7/2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán số 29/GPĐC-UBCK ngày 17/06/2013 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 17/06/2014 Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán cấp Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC-UBCK về việc thay đổi người đại diện theo Pháp luật của Công ty.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 0103015005 ngày 11 tháng 12 năm 2006 thì Vốn điều lệ của Công ty là 170.000.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi tỷ đồng chẵn).

Điều lệ Công ty chứng khoán ban hành ngày 15/12/2006 và sửa đổi, bổ sung vào các ngày 28/05/2012, ngày 12/03/2013 và ngày 31/05/2016.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán./.

Công ty có trụ sở chính tại Số 34B Hàn Thuyên, Phạm Đình Hồ, Hai Bà Trưng, Hà Nội

1.3 Hạn chế đầu tư của Công ty chứng khoán

Thực hiện Điều 44 Thông tư 210/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30/11/2012 và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC thì:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng là trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty chứng khoán.

- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại khoản 1 điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của Công ty chứng khoán.

- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của Công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.

- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

+ Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của Công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lộ lẽ theo yêu cầu của khách hàng;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- + Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
- + Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
- + Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
- + Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
- + Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh và;
- + Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp vào dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp vào dự án kinh doanh.
- Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - + Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện; và
 - + Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%).
- Trường hợp Công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc có biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của Công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, Công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định.

1.4 Cấu trúc Công ty chứng khoán

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là đơn vị hạch toán báo số

Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tầng 1, số 105 - 107 đường Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh được thành lập theo Quyết định số 514/QĐ-UBCK ngày 20 tháng 05 năm 2016.

2. Kỳ kế toán, đơn vị sử dụng trong kỳ kế toán

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán đối với Công ty chứng khoán theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC (Thông tư 334) ngày 27/12/2016 “Sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán”.

Áp dụng hướng dẫn kế toán

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn chế độ kế toán Công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC (“Thông tư 334”) ngày 27/12/2016 “Sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán”. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2016. Thông tư 210 và Thông tư 334 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán Công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng các thông tư trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.

3.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung

3.4 Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 Công ty đã áp dụng Thông tư số 210/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”), hướng dẫn chế độ kế toán công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 “Sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán”. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Thông tư 210 và Thông tư số 334 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán công ty chứng khoán ban hành theo thông tư 95/2008/QĐ-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và. Theo đó, một số số liệu của Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 không so sánh được với số liệu tương ứng của Báo cáo tài chính năm 2015 do ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1 Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn của Công ty, tiền gửi của tổ chức phát hành và tiền bù thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán, vàng tiền tệ và tiền đang chuyển, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003.

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

4.2 Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, nợ tài chính

4.2.1 Nguyên tắc phân loại tài sản tài chính và nợ tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty (FVTPL)

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (FVTPL) là các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời.

Các tài sản tài chính này thường gồm: cổ phiếu, trái phiếu, công cụ tiền tệ, công cụ phái sinh (với mục đích phòng ngừa rủi ro)

Tài sản tài chính được phân loại ra khỏi FVTPL trong trường hợp: tài sản tài chính là nợ cho vay hoặc phải thu nếu xác định mục đích sẽ là nắm giữ trong khoảng thời gian xác định trong tương lai hoặc đến khi đáo hạn hoặc tài sản tài chính là tiền gửi được phân loại sang nhóm tiền và tương đương tiền.

Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phải được phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

4.2.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp kế toán ghi nhận giá trị đánh giá lại các khoản đầu tư theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý

Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp kế toán ghi nhận tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty (FVTPL)

Giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ ban đầu được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc). Các chi phí mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngay khi phát sinh.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính FVTPL được phản ánh trên cơ sở thuần (bằng giá mua hoặc trừ chênh lệch giảm do đánh giá lại):

- Lãi dự thu nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn tài sản tài chính đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

- Các tài sản tài chính này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4.2.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu của nhà đầu tư được ghi nhận dựa trên Hợp đồng cho vay margin, Hợp đồng ứng trước tiền mua chứng khoán và các chứng từ giao dịch thực tế.

4.3 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Báo cáo tình hình tài chính riêng này theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 "Sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán" và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 "Sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014", Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/06/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08

4.4 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm quản lý giao dịch và phần mềm kế toán.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 20/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 "Sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán" và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 "Sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014", Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/06/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
Phần mềm máy tính	03 - 15

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4.5 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán: Được ghi nhận theo giá gốc tại ngày đầu tư, mua cổ phiếu.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh có thời hạn thu hồi dưới một năm, được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày đầu tư.

4.6 Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu

Các khoản phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp và phải thu khác. Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu. Các khoản phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.

Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp phát sinh từ các dịch vụ mà Công ty cung cấp cho nhà đầu tư.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4.7 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm: Chi phí thuê nhà, thuê văn phòng, chi phí dịch vụ trả trước, công cụ dụng cụ có giá trị lớn và các chi phí khác.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ tối đa là 3 năm.

4.8 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.9 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả người bán

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4.10 Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh đo áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4.11 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu, thu nhập của Công ty bao gồm: doanh thu cung cấp dịch vụ cho khách hàng và lãi tiền gửi ngân hàng phù hợp với quy định của Luật chứng khoán và doanh thu khác phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh của Công ty.

Doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng phải phù hợp với các nghiệp vụ kinh doanh quy định trong Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty. Doanh thu dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được xác nhận là hoàn thành trên cơ sở đã được khách hàng thanh toán bằng tiền hay chấp nhận thanh toán hoặc cam kết sẽ thanh toán hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng. Doanh thu này bao gồm:

- Doanh thu về nghiệp vụ môi giới chứng khoán;
- Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính;
- Doanh thu từ các dịch vụ tài chính khác,
- Doanh thu cho thuê, sử dụng tài sản.

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định trên cơ sở mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân gia quyền của chứng khoán.

Tiền lãi

Thu nhập từ lãi được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ dựa trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ phần lãi trước ngày mua chứng khoán nợ được hạch toán giảm giá vốn chứng khoán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là thu nhập khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu. Trong trường hợp này, Công ty không ghi nhận thu nhập mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Các nghiệp vụ mua và bán lại chứng khoán

Doanh thu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thời hạn của hợp đồng mua và bán lại chứng khoán theo phương pháp đường thẳng.

4.12 Nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng các chính sách thuế theo quy định của các luật thuế hiện hành tại Việt Nam tại mỗi thời kỳ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Thông tin bổ sung cho các Báo cáo tài chính

A. Thuyết minh về Báo cáo tình hình tài chính

5.1. Tiền

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	197.327.299	43.621.764
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	166.214.456.149	149.610.136.170
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	821.956	436.883.111
Cộng	166.412.605.404	150.090.641.045

5.2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (Cổ phiếu)	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (VND)
b) Cửa nhà đầu tư	169.240.486	2.997.517.517.800
- Cổ phiếu	169.240.486	2.997.517.517.800

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5.3. Các loại tài sản tài chính

5.3.1. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Đơn vị tính: VND

Tài sản FVTPL	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết				
SJE	3.563.500	2.032.000	3.563.500	2.176.000
SD5	2.468.892	1.608.900	2.468.892	2.149.179
CIC	2.398.500	-	2.398.500	-
SD7	2.214.000	196.800	2.214.000	386.958
VSP	2.153.742	68.200	2.153.742	55.800
S55	1.926.144	7.468.800	1.926.144	6.922.944
HPC	1.911.985	-	1.911.985	-
VC2	1.751.040	1.516.800	1.751.040	885.423
SIC	1.518.264	4.719.000	1.518.264	684.000
STC	1.092.000	2.298.000	1.092.000	1.369.200
SD9	983.552	608.000	983.552	849.456
VTS	917.570	731.600	917.570	508.400
HNM	915.840	372.000	915.840	523.860
SAP	806.431	454.500	806.431	495.000
KLS	773.959	-	773.959	402.876
S99	595.371	387.100	595.371	445.056
VCB	585.068	283.600	585.068	263.400
PPC	322.148	116.900	322.148	128.100
DHA	299.700	266.400	299.700	185.400
BMC	288.800	45.600	288.800	50.100
MHC	251.500	56.880	251.500	122.400
TMC	232.380	222.000	232.380	157.200
REE	196.500	123.250	196.500	126.000
STB	176.748	75.600	176.748	104.800
POT	176.594	170.100	176.594	135.900
EBS	174.671	172.000	174.671	162.000
HBC	171.690	760.000	171.690	380.000
ITA	150.800	27.930	150.800	39.200
CTN	143.040	8.800	143.040	26.675
GMC	134.344	151.200	134.344	220.800
KDC	130.150	36.350	130.150	24.300
VIC	122.273	252.000	122.273	228.500
GTA	118.560	105.600	118.560	132.000
RAL	112.600	191.800	112.600	109.000
HAI	108.622	60.660	108.622	93.600
UNI	105.448	32.900	105.448	78.890
RIC	103.264	67.200	103.264	62.400
Các TSTC khác	726.494	11.274.800	726.494	6.102.520
Cộng	30.822.184	36.963.270	30.822.184	26.787.337

VIẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Viết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Viết minh lập dự phòng giảm giá các tài sản tài chính

Loại Tài sản tài chính	Cơ sở lập dự phòng năm nay					Giá trị lập dự phòng năm trước	Mức hoàn
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá sổ sách kế toán	Giá thị trường tại thời điểm lập BCTC	Giá trị lập dự phòng năm nay	Giá trị lập dự phòng năm trước		
	80	3.563.500	2.032.000	1.531.500	1.387.500		
	173	2.468.892	1.608.900	859.992	319.713		
	90	2.398.500	-	2.398.500	-		
	41	2.214.000	196.800	2.017.200	1.827.042		
	62	2.153.742	68.200	2.085.542	2.097.942		
	135	1.911.985	-	1.911.985	1.911.985		
	96	1.751.040	1.516.800	234.240	865.617		
	76	983.552	608.000	375.552	134.096		
	62	917.570	731.600	185.970	409.170		
	60	915.840	372.000	543.840	391.980		
	45	806.431	454.500	351.931	311.431		
	-	773.959	-	773.959	371.083		
	79	595.371	387.100	208.271	150.315		
	8	585.068	283.600	301.468	321.668		
	7	322.148	116.900	205.248	194.048		
	9	299.700	266.400	33.300	114.300		
	3	288.800	45.600	243.200	238.700		
	9	251.500	56.880	194.620	129.100		
	12	232.380	222.000	10.380	75.180		
	5	196.500	123.250	73.250	70.500		
	8	176.748	75.600	101.148	71.948		



ĐỒ PHẢN CHỨNG KHOẢN ĐẦU TƯ VIỆT NAM

1, tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

BẢO C

Cho năm tài chính kế tiếp

Mã

QUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Biên bản này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

hình lập dự phòng giảm giá các tài sản tài chính

Loại Tài sản tài chính	Cơ sở lập dự phòng năm nay						Giá trị lập dự phòng năm trước	Mức hoàn
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá số sách kế toán	Giá thị trường tại thời điểm lập BCTC	Giá trị lập dự phòng năm nay	Giá trị lập dự phòng năm trước	Mức hoàn		
án tài chính FVTPL	9	176.594	170.100	6.494	40.694			
	20	174.671	172.000	2.671	12.671			
	7	150.800	27.930	122.870	111.600			
	11	143.040	8.800	134.240	116.365			
	1	130.150	36.350	93.800	105.850			
	8	118.560	105.600	12.960	-			
	18	108.622	60.660	47.962	15.022			
	7	105.448	32.900	72.548	26.558			
	6	103.264	67.200	36.064	40.864			
	3	103.200	33.600	69.600	59.100			
	7	93.472	63.700	29.772	33.972			
	1	77.050	10.300	66.750	63.750			
	4	72.020	43.600	28.420	26.020			
	6	68.094	26.100	41.994	32.694			
	2	56.833	23.200	33.633	36.433			
	1	19.588	7.900	11.688	10.088			
hiếu khác	636	5.313.552	26.907.200	-	873.191			
B	1.807	30.822.184	36.963.270	15.452.562	12.998.190			

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5.3.3 Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chứng khoán	15.452.562	12.998.190
Cộng	15.452.562	12.998.190

5.4. Các khoản phải thu

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp		
Nguyễn Quang Huy	7.884.303	-
Phạm Trường Giang	700.740.107	-
Lê Hoàng Duy	1.595.195.003	-
Bùi Thị Quỳnh Trang	-	3.243.807.869
Các đối tượng khác	-	551.226.461
Cộng	2.303.819.413	3.795.034.330

5.5. Chi phí trả trước

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn	171.168.041	-
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	171.168.041	-
b) Dài hạn	12.374.937	149.740.466
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	12.374.937	149.740.466
Cộng	183.542.978	149.740.466

5.6. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	319.929.007	319.929.007
Tiền nộp bổ sung	2.455.961.078	2.090.927.338
Tiền lãi phân bổ trong năm	225.320.307	208.994.496
Cộng	3.001.210.392	2.619.850.841

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5.7. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND	
		Cộng	
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2016	163.282.240	163.282.240	
Mua trong kỳ	33.440.000	33.440.000	
Số dư ngày 31/12/2016	196.722.240	196.722.240	
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2016	56.352.228	56.352.228	
Khấu hao trong kỳ	51.313.181	51.313.181	
Số dư ngày 31/12/2016	107.665.409	107.665.409	
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2016	106.930.012	106.930.012	
Tại ngày 31/12/2016	89.056.831	89.056.831	

5.8. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính	Đơn vị tính: VND	
		Cộng	
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2016	4.710.008.794	4.710.008.794	
Mua trong kỳ	200.000.000	200.000.000	
Số dư ngày 31/12/2016	4.910.008.794	4.910.008.794	
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2016	3.594.014.951	3.594.014.951	
Khấu hao trong kỳ	426.932.058	426.932.058	
Số dư ngày 31/12/2016	4.020.947.009	4.020.947.009	
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2016	1.115.993.843	1.115.993.843	
Tại ngày 31/12/2016	889.061.785	889.061.785	

5.9. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của Công ty chứng khoán

Tài sản tài chính	31/12/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.807	1.786
Cộng	1.807	1.786

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5.10. Tài sản tài chính niêm yết/ đăng ký giao dịch của Nhà đầu tư

Tài sản tài chính	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.503.846.240.000	1.145.576.120.000
Cộng	1.503.846.240.000	1.145.576.120.000

5.11 Tiền gửi của Nhà đầu tư

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	17.301.139.092	793.637.098
1.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	17.298.425.796	790.832.993
1.2. Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	2.713.296	2.804.105
2. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức ngân hàng thương mại quản lý	-	-
2.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức Ngân hàng thương mại quản lý	-	-
2.2. Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức Ngân hàng thương mại quản lý	-	-
3. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	3.996.782	1.116.301
4. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà	22.325.316	435.992.074
4.1. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	8.483.193	422.017.104
4.2. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	13.842.123	13.974.970
Cộng	17.327.461.190	1.230.745.473

5.12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tổng Công ty Dược Việt Nam	121.000.000	121.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Hà	82.500.000	82.500.000
Công ty Đầu tư và Phát triển Sóc Sơn (DPS)	-	40.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Căn nhà Mơ ước (DRH)	121.000.000	44.000.000
Công ty TNHH MTV Nam Nung	20.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Hà Tây	55.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Akito	137.500.000	-
Cộng	537.000.000	287.500.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Thuế GTGT	-	27.231.509
Thuế TNDN	1.276.376.830	1.007.581.804
Thuế TNCN	394.448.767	476.483.037
Cộng	1.670.825.597	1.511.296.350

5.14. Chi phí phải trả

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Thù lao HDQT	22.000.000	22.000.000
Cộng	22.000.000	22.000.000

5.15. Phải trả, phải nộp khác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải trả, phải nộp khác	11.770.287	20.718.002
Cộng	11.770.287	20.718.002

5.16. Tạm ứng

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nguyễn Thị Thanh Lan	1.240.400.000	1.449.760.700
Nguyễn Thị Thúy Hằng	12.827.400	70.265.000
Phạm Thị Chiến	-	17.800.000
Nguyễn Hải Dương	-	10.000.000
Vũ Quang Vịnh	50.000.000	-
Vũ Thị Thanh Thủy	7.000.000	-
Cộng	1.310.227.400	1.547.825.700

5.17. Cầm cố, thế chấp ký cược, ký quỹ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	-	122.500.350
Đặt cọc taxi	15.000.000	15.000.000
Cộng	15.000.000	137.500.350

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5.18. Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	351.961.703	(13.401.699.371)
Lợi nhuận chưa thực hiện	-	-
Cộng	351.961.703	(13.401.699.371)

5.19. Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Lãi đã thực hiện chưa phân phối năm trước	-	-
Lãi/lỗ đã thực hiện năm nay	13.753.661.074	7.561.378.404
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến 31/12/2015	351.961.703	(13.401.699.371)
Số trích các quỹ từ lợi nhuận	-	-
Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn	-	-
Tổng thu nhập phân phối cho các cổ đông hoặc các thành viên góp vốn	-	-

5.20. Phải trả Nhà đầu tư

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải trả nhà đầu tư - tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	17.327.461.190	1.230.745.473
- Nhà đầu tư trong nước	17.291.723.833	1.230.745.473
- Nhà đầu tư nước ngoài	35.737.357	-
Cộng	17.327.461.190	1.230.745.473

B. Thuyết minh về Báo cáo kết quả hoạt động

5.21 Thu nhập

5.21.1 Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	2.283.185	1.562.800
Cộng	2.283.185	1.562.800

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5.22 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	975.723.861	821.872.111
Cộng	975.723.861	821.872.111

5.23 Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	3.923.005.913	2.242.368.824
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	-	104.964.605
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	642.477.954	63.111.983
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	6.000.000	-
Chi phí các dịch vụ tài chính khác	3.372.236.059	3.384.484.190
Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính	3.888.997	-
Chi dự phòng và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán	2.454.372	917.244
Cộng	7.950.063.295	5.795.846.846

5.24 Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	5.199.907.016	5.493.408.670
Chi phí vật tư văn phòng	3.784.589	-
Chi phí công cụ, dụng cụ	339.496.368	721.859.179
Chi phí khấu hao TSCĐ	428.614.447	455.178.170
Chi phí thuế, phí, lệ phí	496.929.325	546.087.906
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.107.085.002	2.421.520.079
Chi phí khác	1.583.830.458	618.440.779
Cộng	10.159.647.205	10.256.494.783

5.25 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí thuế thu nhập công ty chứng khoán hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập công ty chứng khoán tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.437.844.473	2.139.465.704
Tổng chi phí thuế thu nhập công ty chứng khoán hiện hành	3.437.844.473	2.139.465.704

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5.26 Lũy kế báo cáo thu nhập toàn diện

Chỉ tiêu	01/01/2016	Số phát sinh	Thay đổi từ vốn chủ sở hữu và ghi nhận vào kết quả kinh doanh	31/12/2016
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(13.401.699.371)	13.753.661.074	-	351.961.703
Cộng	(13.401.699.371)	13.753.661.074	-	351.961.703

D. Thông tin bổ sung cho Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu như sau:

Thu nhập và chi phí, lãi hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu:

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Thu nhập	35.301.216.047	25.753.185.737
Chi phí	21.547.554.973	18.191.807.333
Lãi	13.753.661.074	7.561.378.404
Cộng	13.753.661.074	7.561.378.404

F.27 Những thông tin khác

27.1 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

27.2 Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập Ban giám đốc được hưởng trong kỳ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lương	2.209.720.000	1.270.922.905
Thù lao Hội đồng quản trị	264.000.000	264.000.000
Cộng	2.473.720.000	1.534.922.905

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

27.3 Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam nay đổi tên là Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam. Và, Như trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 Công ty đã áp dụng Thông tư số 210/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”), hướng dẫn chế độ kế toán công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 “Sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán”. Theo đó, một số số liệu của Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được công ty phân loại, trình bày lại cho phù hợp với quy định của các thông tư này.

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc

Phạm Hồng Thương

Phạm Thị Chiến

Hồ Anh Dũng

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Hải Dương



